

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1304* /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *16* tháng 8 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 163/TTr-SNNPTNT ngày 06/8/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-VPUB ngày 16/8/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT và truyền thông (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Xuân Vĩnh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
(THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 16/8/2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>				
1	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	21 ngày làm việc	Không	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	15 ngày làm việc	- Như trên -	
3	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	10 ngày làm việc	- Như trên -	
4	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	10 ngày làm việc	- Như trên -	
5	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	20 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	12 ngày làm việc	- Như trên -	
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập	35 ngày làm việc	- Như trên -	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuộc địa phương quản lý			
8	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
9	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
10	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
11	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
12	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
13	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng cấp tỉnh	45 ngày làm việc	- Như trên -	
14	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	

*b*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	45 ngày làm việc	- Như trên -	
16	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	29 ngày làm việc	- Như trên -	
17	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	20 ngày làm việc nếu không phải xác định và xử lý giá trị của chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng; 30 ngày làm việc nếu phải xác định và xử lý giá trị của chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng	- Như trên -	
18	Giao rừng cho tổ chức	36 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
19	Cho thuê rừng cho tổ chức	36 ngày làm việc	- Như trên -	
20	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
21	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	

*h2*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
22	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	- Như trên -	
23	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển rừng sang trồng cao su của tổ chức (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)	10 ngày làm việc	- Như trên -	
24	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	30 ngày làm việc	- Như trên -	
25	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	10 ngày làm việc	- Như trên -	
26	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	24 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thực địa thì được kéo dài thêm 5 ngày làm việc)	- Như trên -	
27	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	21 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thực địa thì được kéo dài thêm 5 ngày làm việc)	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
28	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	10 ngày làm việc	- Như trên -	
29	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	10 ngày làm việc	- Như trên -	
30	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	10 ngày làm việc	- Như trên -	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
31	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	10 ngày làm việc	- Như trên -	
32	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ	10 ngày làm việc	- Như trên -	
33	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	10 ngày làm việc	850.000 đồng/lô cây con. - Lệ phí cấp chứng chỉ công nhận nguồn gốc lô cây con: 100.000 đồng/giấy; - Phí công nhận nguồn gốc lô cây con: 750.000 đồng/giấy).	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
34	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	10 ngày làm việc	850.000 đồng/lô cây con. - Lệ phí cấp chứng chỉ công nhận nguồn gốc lô giống: 100.000 đồng/giấy; - Phí công nhận nguồn gốc lô giống: 750.000 đồng/giấy).	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
35	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	15 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp chứng chỉ: 100.000 đồng/giấy);</li> <li>- Phí công nhận nguồn giống:</li> <li>+ Cây trội: 450.000 đồng/cây;</li> <li>+ Lâm phần tuyển chọn: 750.000 đồng/giống;</li> <li>+ Rừng giống chuyển hóa, Rừng giống: 2.750.000 đồng/rừng;</li> <li>+ Vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/giống;</li> <li>+ Thẩm định, công nhận lại vườn cây đầu dòng: 475.000 đồng/giống.</li> </ul> <p>(Không thu phí đối với các nguồn giống của các Vườn Quốc Gia, Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp có vốn đầu tư nhà nước trên địa bàn tỉnh)</p>	

*b2*



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
36	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư)	16 ngày làm việc	Không	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
37	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư)	15 ngày làm việc	- Như trên -	
38	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	07 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
39	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	12 ngày làm việc	- Như trên -	
40	Giao nộp gấu cho nhà nước	07 ngày làm việc	- Như trên -	
41	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng (đối với địa phương không có Hạt Kiểm lâm)	05 ngày làm việc	- Như trên -	

*b*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
42	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với các địa phương không có Hạt Kiểm lâm)	03 ngày làm việc nếu không tiến hành xác minh. Nếu tiến hành xác minh thì không quá 05 ngày làm việc.	- Như trên -	
43	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	21 ngày	- Như trên -	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
44	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	21 ngày	- Như trên -	
45	Khoán công việc và dịch vụ	8 ngày	- Như trên -	

## II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV

1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 17 ngày làm việc; - 80 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	800.000 đ/ hồ sơ theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh;
---	---	---	--	--

*h*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	-17 ngày làm việc; - 06 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định. - 80 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	- Như trên -	
3	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	24 giờ làm việc	Không quy định	
4	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc Bảo vệ thực vật.	03 ngày làm việc	- Như trên -	
5	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật.	05 ngày làm việc	600.000 đ/ hồ sơ theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	14 ngày làm việc	3.000.000 đ/hồ sơ theo Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

*h2*


TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	- 14 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại GCNĐĐKS XPB hết hạn - 03 ngày làm việc đối với trường hợp GCNĐĐKS XPB bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin trên GCN	1.200.000 đ/hồ sơ theo Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính	
8	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	30 ngày làm việc	Thực hiện theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	
9	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	20 ngày làm việc	Thực hiện theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	
10	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	10 ngày làm việc	Thực hiện theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	
11	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	04 ngày làm việc	Không	

*h*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	07 ngày làm việc	500.000 đ/hồ sơ theo Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	03 ngày làm việc	200.000 đ/hồ sơ theo Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính	
14	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón - 01 ngày làm việc đối với trường hợp hội thảo phân bón	Không	

### III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM SẢN THỦY SẢN

1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	10 ngày làm việc	700.000 đồng/cơ sở theo Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
---	---	------------------	---	---



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	10 ngày làm việc	- Như trên -	
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hư hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP).	03 ngày làm việc	- Như trên -	
4	Cấp Giấy xác nhận kiến về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	06 ngày làm việc	30.000 đồng/lần/người	
<b>IV. LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>				
01	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	15 ngày làm việc	Theo quy định của Bộ Tài chính	Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>				
1	Hỗ trợ dự án liên kết	17 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 209/QĐ-UBND Ngày 13/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	45 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Công nhận làng nghề	21 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Công nhận nghề truyền thống	21 ngày làm việc	- Như trên -	
5	Công nhận làng nghề truyền thống	21 ngày làm việc	- Như trên -	
6	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	07 ngày làm việc	- Như trên -	
7	Bố trí ổn định dân cư ngoại tỉnh	70 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

#### VI. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	- Sở NN và PTNT: 35 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 07 ngày làm việc.	Không	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
---	---	--	-------	--

#### VII. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn.	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY		
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	6,5 ngày làm việc		
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	3,5 ngày làm việc		
6	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	11 ngày làm việc		
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	17 ngày làm việc		
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	17 ngày làm việc		
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	13 ngày làm việc		

*h*



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc: Trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng;</li> <li>- 17 ngày làm việc: Trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến hết ngày hiệu lực của Giấy chứng nhận</li> </ul>		
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ngày làm việc: Trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng;</li> <li>- 15 ngày làm việc: Trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến hết ngày hiệu lực của Giấy chứng nhận</li> </ul>		
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	02 ngày làm việc		
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	17 ngày làm việc		

12

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	17 ngày làm việc		
15	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	12 ngày làm việc		

#### VIII. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	21 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.	21 ngày làm việc	- Như trên -	
3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	18 ngày làm việc	- Như trên -	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	- Như trên -	
5	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	- Như trên -	
6	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc	- Như trên -	
7	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc	- Như trên -	
8	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	07 ngày làm việc	- Như trên -	
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	- Như trên -	
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc	- Như trên -	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	07 ngày làm việc	- Như trên -	
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	07 ngày làm việc	- Như trên -	
13	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	21 ngày làm việc	- Như trên -	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
14	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	- Như trên -	
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	14 ngày làm việc	- Như trên -	
16	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	14 ngày làm việc	- Như trên -	
17	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Không quy định	- Như trên -	
18	Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	- Như trên -	

*h*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
19	Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	- Như trên -	
20	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	21 ngày làm việc	- Như trên -	
21	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	- Như trên -	

#### IX. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	-Như trên-	
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	-Như trên-	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	-Như trên-	
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	-Như trên-	
6	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc	Chưa quy định	
7	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- 07 ngày làm việc đối với cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*h*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- 07 ngày làm việc đối với cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại	5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất)	
9	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	- 35 ngày làm việc đối với cấp mới; - 15 ngày làm việc đối với cấp lại	Chưa quy định	
10	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc	-Nhu trên-	
11	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc	-Nhu trên-	
12	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	03 ngày làm việc	-Nhu trên-	
13	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	07 ngày làm việc	-Nhu trên-	
14	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- 04 ngày làm việc đối với cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại	40.000 đồng trường hợp cấp mới; 20.000 đồng trường hợp cấp lại.	
15	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc	Chưa quy định	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	
17	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc	-Nhu trên-	
18	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 huyện trở lên)	44 ngày làm việc	Không	
19	Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 huyện trở lên)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, Người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc. b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 44 ngày làm việc.	- Như trên-	
20	Công bố mở cảng cá loại 2	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	
<b>Tổng cộng: 128 TTHC</b>				

**Lưu ý:** + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển ngay hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến các Sở, ban ngành trong buổi làm việc. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ 00 thì thời gian chuyển hồ sơ được tính vào đầu giờ sáng ngày làm việc tiếp theo.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả từ các Sở, ban ngành và trả cho cá nhân, tổ chức ngay trong buổi làm việc.



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TẠI TRUNG  
TÂM THỰC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH NINH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 16/8/2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>1. LĨNH VỰC NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN</b>				
1	Lĩnh vực cấp nước sinh hoạt (Lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước vào nhà)	06 ngày	Không	Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>2. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI THÚ Y</b>				
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, kiểm dịch viên thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 04 ngày làm việc hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì Kiểm dịch viên tham mưu thông báo cho lãnh đạo trạm, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Thông tư 285/2016/TT-BTC và Thông tư số 44/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, Kiểm dịch viên tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 04 ngày làm việc hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì Kiểm dịch viên tham mưu thông	Thông tư 285/2016/TT-BTC và Thông tư số 44/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

*B2*



		<p>báo cho lãnh đạo trạm, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p>		
3	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	- 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 04 ngày làm việc hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì Kiểm dịch viên tham mưu thông báo cho lãnh đạo trạm, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Thông tư 285/2016/TT-BTC và Thông tư số 44/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>3. LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>				
1	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước	02 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Nộp 150.000đ + (số tấn thủy sản x 15.000đ/tấn); Tối đa 700.000đ/lần theo TT số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Không quy định	- Như trên -
<b>Tổng cộng: 06 thủ tục hành chính thuộc 03 lĩnh vực</b>				